

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HS-ST
Ngày: 20-4-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Danh Vượng.

2. Ông Đỗ Đức Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2023/TLST-HS, ngày 13 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 10/2023/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 02 năm 2023; Thông báo về việc chuyển ngày xét xử vụ án hình sự số 03/2023/TB-TA, ngày 20 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/HSST-QĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/HSST-QĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Phú L (tên gọi khác: R), sinh ngày 15 tháng 10 năm 2000 tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nơi cư trú: Ấp B, xã B1, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh Q, sinh năm 1964 và bà Lê Thị L, sinh năm 1965; vợ, con: Không; tiền án: Tại Bản án số 86/2021/HSST, ngày 14/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tuyên phạt 13 tháng 07 ngày tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”, được trả tự do tại phiên tòa theo Quyết định trả tự do số 07/2021/HSST-QĐ ngày 14/10/2021, đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 30/QĐ-XPHC, ngày 04/9/2020 của Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt mức tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe người khác” nhưng chưa đóng tiền phạt; bị tạm giam từ ngày 25/9/2022 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 28/LB-ĐTTH, ngày 23/8/2022 của Cơ quan Cảnh

sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Có mặt).

2. Trịnh Quang H1 (tên gọi khác: Đ), sinh ngày 06 tháng 5 năm 1996 tại tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Hiệp L, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Bạch L, sinh năm 1974; vợ: Lê Thị T, sinh năm 1997; con: Có 01 người con sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ-XPHC, ngày 20/7/2019 của Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu xử phạt mức tiền 3.000.000 đồng về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe người khác” nhưng chưa đóng tiền phạt; nhân thân: Tại Bản án số 77/2016/HSST, ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/10/2017 và đã đóng án phí đầy đủ; bị tạm giam từ ngày 25/9/2022 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 29/LB-ĐTTH, ngày 23/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Có mặt).

- Bị hại:

+ Ông Trần Văn H, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Có mặt).

+ Anh Trần N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Trần Trung K, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trần N:

Ông Trần Văn H, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền có số công chứng 533, quyển số 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/02/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 26/3/2022 Trần Phú L đang ngồi chơi tại quầy bán vé số của người thanh niên tên N1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) thì thấy Trần Trung K ở trước nhà nên L chạy đến dùng tay nắm cổ áo và đánh vào mặt K nhưng không gây

thương tích vì cho rằng trước đó K có mượn tiền mà không trả. Bị đánh, K bỏ chạy và nhặt 01 khúc gỗ ném trúng hông của L thì ông Trần Văn H và anh Trần N (là cha và anh ruột của K) từ trong nhà chạy ra nên L sợ và bỏ chạy. Một lúc sau, L quay lại chỗ N1 lấy xe thì bị ông H, anh N giữ lại còn K dùng cây sắt đánh L nhưng không gây thương tích. L vùng thoát ra và bỏ chạy được nên đã nhờ N1 chở đến khu vực ngã tư đường xuống cảng B, trên đường đi thì gặp người thanh niên tên V (là bạn của L nhưng không rõ nhân thân, lai lịch). L mượn xe mô tô của V nói đi công việc thì V đồng ý, L nhận xe và đi đến khu nhà hoang gần biển B lấy 01 con dao tự chế dài 93,2cm mà đã cất giấu trước đó mục đích quay lại chém anh K, ông H và anh N để trả thù. Sau đó, L đi về đến khu vực gần ngã tư đường xuống cảng biển B thì gặp người bạn tên Trịnh Quang H1 đang bán vé số, L dừng xe nói với H “em mới bị người ta đánh anh giúp em đi đánh lại người đánh em” thì H đồng ý và lên xe chở L đến trước nhà ông H. Đến nơi, H1 đứng ngoài đường cùng xe mô tô chờ còn L cầm dao đi vào trong nhà chém gây thương tích cho ông H và anh N, sau đó cả hai bỏ đi.

Quá trình làm việc tại cơ quan chức năng, các bị cáo đều khai nhận: Khi đến nhà ông H thì H1 đứng ngoài đường cùng xe mô tô chờ còn L cầm dao đi vào nhà với mục đích tìm anh K, ông H và anh N để chém gây thương tích. L vào phòng khách rồi đi xuống lối đi bên trái thì thấy ông H từ nhà dưới đi lên, L cầm dao bằng 02 tay giơ lên định chém vào người ông H thì bất ngờ anh N từ phòng ngủ bên phải gần đó lao ra chụp (cầm/giữ) được vào phần cán dao, ông H thấy vậy cũng chạy đến và chụp vào phần cán dao rồi cả ba cùng giằng co ra đến khu vực phòng khách. Khi đó, L cầm dao bằng tay trái còn tay phải đâm vào mặt ông H, anh N mục đích giằng lại dao để tiếp tục chém. Lúc này, H1 ở ngoài chạy vào thấy anh N một tay đang cầm dao giằng co, một tay đánh vào gáy L nên H1 đến xô anh N ngã vào bàn thờ Ông Địa trong phòng khách, làm vỡ bàn thờ. Tiếp theo đó, H1 cầm dao giằng co giúp L để lấy lại dao còn anh N đứng dậy cầm vào phần lưỡi dao để giằng co làm lưỡi dao cứa vào tay gây thương tích. Khi cả 04 người giằng co dao ra đến khu vực trước cửa nhà thì H1 nói “chú với anh buông tay ra để bọn con về” nhưng ông H, anh N không đồng ý và nói L, H1 tự bỏ dao ra rồi đi về. Thấy vậy, H1 buông dao đi ra xe mô tô nổ máy chờ còn L cũng bỏ dao ra rồi chạy ra xe mô tô cùng H1 nhanh chóng rời đi, sau đó L mang xe trả cho V, H1 thì tự đi về nhà. Thương tích của ông H và anh N là do trong lúc giằng co dao đã làm ông H bị thương tích ở vùng bụng còn anh N bị thương tích ở phần đùi chân trái và tay trái (Bl 98-118 và Bl 141-159).

Tuy nhiên, bị hại là ông H và anh N khai nhận: Khoảng 15 giờ, ngày 26/3/2022 khi ông H và anh N đang ở nhà thì lúc này anh N nghe trước nhà có tiếng ồn ào nên chạy ra và nhìn thấy L cầm dao xông vào nhà. Thấy anh N, L cầm dao bằng hai tay giơ dao lên cao chém 01 nhát từ trên xuống hướng vào anh N, anh N đưa tay lên đỡ thì trúng vào ngón trỏ tay trái gây thương tích, sau đó L tiếp tục chém một nhát thứ hai trúng vào đùi trái làm anh N quỵ xuống. Lúc này, ông H từ nhà dưới chạy lên thì bị L cầm dao bằng hai tay định đâm vào bụng ông H nhưng ông H tránh được và dùng tay gạt lưỡi dao thì bị lưỡi dao chém vào bụng gây thương tích. L tiếp tục cầm dao bằng hai tay giơ từ trên cao

xuống hướng vào người ông H thì ông H tránh được và giữ được vào phần cán dao của L rồi giăng co, lúc này anh N cũng ngồi dậy và cầm được vào phần cán dao giăng co giúp ông H. Một lúc sau, H1 chạy vào một tay cầm dao giăng lại giúp L một tay đánh vào mặt ông H và anh N. Khi cả 04 người cùng giữ dao giăng co ra đến trước cửa chính thì H1 cúi xuống nhặt 01 cục gạch phía trước cửa nhà định đánh vào đầu ông H nhưng người dân xung quanh la lên nên H1 không đánh mà bỏ chạy ra xe mô tô nổ máy đứng đợi, lúc sau L chạy ra, cả hai lên xe mô tô và bỏ trốn (Bl 183-195).

Do đó, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã tiến hành ghi lời khai, lấy lời khai của bị hại và các bị cáo; tiến hành thực nghiệm lại hiện trường; tiến hành đối chất để làm rõ mâu thuẫn giữa các lời khai, nhưng bị hại và các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai của mình (Bl 119-126 và Bl 162-165).

Ngày 26/3/2022 Công an xã B, huyện X sau khi nhận được tin báo của nhân dân và đơn trình báo của ông Trần Văn H đã tiến hành lập biên bản vụ việc (Bl 39), lập biên bản xác minh ngay hiện trường (Bl 41) và đến ngày 14/4/2022 tiếp tục nhận được đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, yêu cầu giám định tỉ lệ thương tích của ông H (Bl 166, 167); ngày 14/4/2022, anh Trần N có đơn yêu cầu xử lý hình sự gửi đến cơ quan chức năng (Bl 182). Sau đó, toàn bộ hồ sơ và đồ vật, tài liệu được chuyển tới Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (sau đây viết tắt là: Cơ quan Cảnh sát Điều tra) xử lý theo thẩm quyền. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tiến hành lập biên bản xem xét dấu vết trên thân thể (kèm bản ảnh) của bị hại (Bl 52 và 60); lập biên bản xác định hiện trường, vẽ sơ đồ hiện trường và chụp ảnh hiện trường nơi xảy ra vụ việc vào ngày 26/3/2022 (Bl 44-51); ra Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu gồm: 01 (một) dao tự chế dài 93,2cm; cán dao bằng gỗ dài 42,8cm; lưỡi dao bằng kim loại bị bẻ cong dài 50,4cm; mũi dao nhọn; một cạnh tù; một cạnh sắc; bề rộng bản 3,6cm (Bl 69). Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra cũng thu nhận một bản ảnh trích xuất từ máy thu hình do ông H giao nộp (Bl 43).

*1. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 179/TgT, ngày 12/5/2022 (Kèm bản ảnh) của Trung tâm pháp Y thuộc Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, phần kết luận ghi:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
 - 02 vết tổn thương da, lành đổi màu da.
2. Về vật gây thương tích, cơ chế hình thành thương tích:
 - Thương tích 1: Được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng có cạnh sắc, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ sau ra trước.
 - Thương tích 2: Được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng có cạnh sắc, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ trước ra sau, từ trái sang phải.
3. Về tỷ lệ phần trăm thương tật từng vết thương:
 - Thương tích 1: Có tỷ lệ thương tật là 0,5 %.
 - Thương tích 2: Có tỷ lệ thương tật là 0,5 %.
4. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là: 01% (Một phần trăm).
(B1 54-57).

*2. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 180/TgT, ngày 12/5/2022 (Kèm bản ảnh) của Trung tâm pháp Y thuộc Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, phần kết luận ghi:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
 - 01 vết tổn thương da, lành đổi màu da.
2. Về vật gây thương tích, cơ chế hình thành thương tích:
 - Thương tích trên được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng có cạnh sắc, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ trước ra sau.
3. Về tỷ lệ phần trăm thương tật từng vết thương:
 - Nạn nhân chỉ có một thương tích.
4. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là: 01% (Một phần trăm).
(B1 62-65).

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS-XM, ngày 13/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu truy tố các bị cáo Trần Phú L (R) và Trịnh Quang H1 (Đ) về tội “Cố ý gây thương tích” theo các điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Phú L (R) và Trịnh Quang H1 (Đ) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Phú L (R) từ 10 tháng đến 14 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 25/9/2022).

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Quang H1 (Đ) từ 07 tháng đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 25/9/2022).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Trách nhiệm dân sự:

- Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã đồng ý bồi thường cho bị hại các khoản sau: Ông Trần Văn H số tiền 2.300.000 đồng do hư hỏng bàn thờ Ông Địa và 10.000.000 đồng tiền tổn hại sức khỏe; Anh Trần N số tiền 10.000.000 đồng tổn hại sức khỏe. Ông H và anh N cũng yêu cầu các khoản này và không phản đối sự tự nguyện của các bị cáo nên đề nghị ghi nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần bị hại ông Trần Văn H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tương đương 50 tháng lương theo luật định cụ thể là số tiền 80.000.000 đồng; Bị hại anh Trần N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tương đương 50 tháng lương theo luật định cụ thể là số tiền 80.000.000 đồng. Bị cáo Trần Phú L và bị cáo Trịnh Quang H1 đều không đồng ý với yêu cầu của ông H và anh N vì cho rằng khoản tiền bồi thường này không hợp lý.

- Tại phiên tòa, bị hại ông Trần Văn H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị hại anh Trần N thay đổi yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần cụ thể như sau: Ông H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bản thân là 25 tháng lương theo luật định với số tiền là 37.250.000 đồng; yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho anh Trần N là 25 tháng lương theo luật định với số tiền là 37.250.000 đồng. Các bị cáo vẫn không đồng ý với yêu cầu của ông H và người đại diện theo ủy quyền của bị hại anh N về việc bồi thường khoản tiền này với lý do như trên.

Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật việc bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là phù hợp các quy định của pháp luật nhưng không đến mức là 25 tháng lương cơ sở do tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với mỗi bị hại hiện tại là 01% nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu này của bị hại buộc các bị cáo L và H1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông H và anh N mỗi người từ 02 đến 04 lần mức lương cơ sở (tương đương số tiền từ 2.980.000 đồng đến 5.960.000 đồng).

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao tự chế dài 93,2cm; cán dao bằng gỗ dài 42,8cm; lưỡi dao bằng kim loại bị bẻ cong dài 50,4cm; mũi dao nhọn; một cạnh tù; một cạnh sắc; bề rộng bản 3,6cm.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Vario (không rõ đặc điểm) do bị cáo L mượn của người bạn tên V (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Sau khi sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L đã trả xe cho V, Cơ quan Cảnh sát Điều tra chưa thu giữ được nên không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và không bào chữa, tranh luận.

Bị hại ông Trần Văn H và người đại diện theo ủy quyền của bị hại anh Trần N có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật và đề nghị mức bồi thường thiệt hại đối với các khoản sau: Bản thân ông H yêu cầu là 2.300.000 đồng tiền bản thờ Ông Địa bị hư hỏng; 10.000.000 đồng tiền tổn hại sức khỏe và 37.250.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần (tương đương 25 tháng lương theo luật định). Đối với phần của anh N yêu cầu là 10.000.000 đồng tiền tổn hại sức khỏe và 37.250.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần

(tương đương 25 tháng lương theo luật định). Ngoài ra, bị hại và đại diện của bị hại còn yêu cầu bổ sung thêm 02 tội danh: “*Xâm phạm gia cư bất hợp pháp có tổ chức, làm mất trật tự, an ninh, an toàn xã hội; Giết người chưa đạt*”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến trình bày gì thêm.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Do trước đó, Trần Phú L có xô xát với anh Trần Trung K nhưng đã được ông Trần Văn H và anh Trần N (là cha và anh ruột của anh K) can ngăn. L cho rằng việc ông H và anh N ra can ngăn là không đúng mà giữ L lại để cho anh K dùng cây sắt đánh L. Vì bức tức nên khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 26/3/2022 L nhờ người thanh niên tên N1 chở đến khu vực ngã tư đường xuống cảng B, trên đường đi L gặp người bạn tên V nên đã mượn xe mô tô của người này và tự đi đến khu vực nhà hoang gần biển B lấy 01 dao tự chế dài 93,2cm cất giấu từ trước. Khi đi quay lại hướng ngã tư đường xuống cảng B, L gặp Trịnh Quang H1 nên đã rủ H1 đến nhà ông H tại ấp T, xã B, huyện X để đánh trả thù giúp. H1 đồng ý và lên xe chở L đi, khi đến nơi H1 đứng ngoài đợi còn L cầm dao vào trong nhà gây thương tích cho ông H ở vùng bụng với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của ông H là 01% (*Một phần trăm*); về vật gây thương tích, cơ chế hình thành thương tích: Thương tích trên được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng có cạnh sắc, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ trước ra sau. Gây thương tích cho anh N ở tay và chân trái với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của anh N là 01% (*Một phần trăm*); về vật gây thương tích, cơ chế hình thành thương tích: Thương tích 1 được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng có cạnh sắc, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ sau ra trước; Thương tích 2 được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng có cạnh sắc, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ trước ra sau, từ trái sang phải. Do vết thương nhẹ nên ông H và anh N tự mua thuốc về điều trị mà không đến bất kỳ cơ sở y tế nào khám và chữa trị vết thương. Bị hại có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự là phù hợp quy định tại Điều 155 của Bộ luật hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là đúng pháp luật.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp với dấu vết trên thân thể của bị hại với Bản kết luận giám định pháp y về thương tích, với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội xâm phạm đến quyền được pháp luật bảo vệ về sức khỏe của con người nhưng do bức tức và với bản tính hung hăng, liều lĩnh, coi thường những quy tắc trong cuộc sống, các bị cáo đã bất chấp tất cả quy định của pháp luật cố ý xâm phạm sức khỏe của bị hại bằng cách dùng hung khí nguy hiểm tác động trực tiếp đến cơ thể bị hại.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền được pháp luật bảo vệ về sức khỏe của người khác, đây là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân huyện X truy tố các bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị hại và người đại diện theo ủy quyền của bị hại trình bày về cách thức, phương pháp, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với quá trình điều tra nhưng có một số tình tiết khác không phù hợp với biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và với dấu vết trên thân thể của bị hại, không phù hợp lời khai của các bị cáo. Bên cạnh đó bị hại và người đại diện theo ủy quyền của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử bổ sung thêm 02 tội danh quy định tại Điều 158 (Tội xâm phạm chỗ ở của người khác) và Điều 123 (Tội giết người) nhưng phạm tội chưa đạt quy định tại Điều 15 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo cũng như xem xét về khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm. Xét yêu cầu của bị hại và người đại diện theo ủy quyền của bị hại khi đưa ra những đề nghị, yêu cầu trên nhưng không bổ sung được những tài liệu, đưa ra những chứng cứ, chứng minh cho đề nghị, yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, các tình tiết đã được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ vụ án; Cơ quan Cảnh sát Điều tra cũng đã ra Thông báo số 31/TB ngày 22/12/2022 để thông báo cho bị hại biết về việc kết thúc điều tra vụ án hình sự, cũng như không khởi tố 02 tội danh mà bị hại và người đại diện theo ủy quyền của bị hại đề nghị do chưa đủ các yếu tố cấu thành tội phạm của 02 tội danh trên. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với đề nghị về việc bổ sung các tội danh trên; chấp nhận một phần yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm của bị hại và người đại diện theo ủy quyền của bị hại.

[3] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Cho nên, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong vụ án có hai bị cáo tham gia nhưng chưa có sự bàn bạc, phân công vai trò chặt chẽ nên chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Xuất phát từ việc bức tức với anh Trần Trung K, ông Trần Văn H và anh Trần N nhưng bị cáo Trần Phú L đã không kìm chế bản thân để tìm hướng giải quyết mâu thuẫn theo chuẩn mực chung của xã hội mà chủ động nhờ bị cáo Trịnh Quang H1 tham gia đánh anh K, ông H và anh N để trả thù. Như vậy, bị cáo L chính là người khởi xướng, rủ rê bị cáo H1 phạm tội và cũng là người trực tiếp gây nên thương tích cho bị hại nên bị cáo L thực hiện tội phạm với vai trò vừa là người khởi xướng, rủ rê vừa là người thực hành, còn bị cáo H1 thực hiện tội phạm với vai trò là người giúp sức, tuy không phải là người gây ra thương cho bị hại nhưng bị cáo H1 đã nhận thức được cả về lí trí và ý chí về việc đi cùng bị cáo L để giúp bị cáo L gây thương tích cho bị hại. Bản thân bị cáo L có một tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 86/2021/HSST, ngày 14/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tuyên phạt 13 tháng 07 ngày tù giam, được trả tự do tại phiên toà theo Quyết định trả tự do số 07/2021/HSST-QĐ ngày 14/10/2021, đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí, chưa được xóa án tích. Bị cáo có một tiền sự về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe người khác” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 30/QĐ-XPHC, ngày 04/9/2020 của Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt mức tiền 2.000.000 đồng, chưa đóng tiền phạt nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân, nay lại phạm tội mới thuộc cùng một loại tội xâm phạm đến quyền được pháp luật bảo vệ về sức khỏe của con người, những điều đó cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, khó giáo dục, cải tạo; Đối với bị cáo H1, được cơ quan chức năng xác định không có tiền án nhưng về nhân thân vào năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 77/2016/HSST, ngày 26/9/2016 chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/10/2017, đã đóng án phí đầy đủ và đương nhiên được xóa án tích nhưng bị cáo có một tiền sự về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe người khác” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ-XPHC, ngày 20/7/2019 của Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt mức tiền 3.000.000 đồng, chưa đóng tiền phạt nên điều đó cho thấy bị cáo là người không chịu rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu để trở thành công dân tốt mà nay lại tiếp tục phạm tội.

Từ những phân tích trên cho thấy, tuy hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, có tính chất côn đồ và dùng hung khí nguy hiểm để gây nên thương tích với tỉ lệ tổn thương cơ thể cho ông H là 01% (*Một phần trăm*) và anh N là 01% (*Một phần trăm*). Do đó, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần phải áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo L nghiêm khắc hơn bị cáo H1, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trịnh Quang H1 (Đ) không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Trần Phú L (R) có một tiền án, nên lần

phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[5] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo đã đồng ý bồi thường cho bị hại các khoản sau: Ông Trần Văn H số tiền 2.300.000 đồng do hư hỏng bàn thờ Ông Địa và 10.000.000 đồng tiền tổn hại sức khỏe; Anh Trần N số tiền 10.000.000 đồng tổn hại sức khỏe. Ông H và anh N cũng yêu cầu các khoản này và không phản đối sự tự nguyện của các bị cáo, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Riêng đối với khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm. Bị hại và người đại diện theo ủy quyền của bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho mỗi bị hại 25 tháng lương theo luật định (cụ thể là số tiền 37.250.000đ/1bị hại). Tuy nhiên, các bị cáo đều không đồng ý bồi thường khoản này vì cho rằng yêu cầu của bị hại và người đại diện theo ủy quyền của bị hại là không thỏa đáng. Đối chiếu các quy định của pháp luật về vấn đề bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm được quy định tại các Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự; các quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì thiệt hại về tinh thần là tổn thất tinh thần do bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích nhân thân khác mà chủ thể bị xâm phạm hoặc người thân thích của họ phải chịu và cần phải được bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất đó. Như vậy, việc các bị cáo từ chối bồi thường khoản tiền này là không có cơ sở chấp nhận. Bị hại và người đại diện theo ủy quyền của bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho mỗi bị hại 25 tháng lương theo luật định (cụ thể là số tiền 37.250.000đ/1bị hại) là chưa phù hợp bởi lẽ: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại H là 01% (*Một phần trăm*) và bị hại N là 01% (*Một phần trăm*) nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu này của bị hại và người đại diện theo ủy quyền của bị hại. Buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho mỗi bị hại là 05 lần mức lương cơ sở (theo quy định tại Nghị định 38/2019/NĐ-CP, ngày 09/5/2019 của Chính phủ thì mức lương cơ sở là 1.490.000đ/tháng). Cụ thể: 05 tháng x 1.490.000đ/tháng = 7.450.000 đồng.

[7] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 01 (một) dao tự chế dài 93,2cm; cán dao bằng gỗ dài 42,8cm; lưỡi dao bằng kim loại bị bẻ cong dài 50,4cm; mũi dao nhọn; một cạnh tù; một cạnh sắc; bề rộng bản 3,6cm. Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Vario (không rõ đặc điểm) do bị cáo L mượn của người bạn tên V (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Sau khi sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L đã trả xe cho V, Cơ quan Cảnh sát Điều tra chưa thu giữ được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[8] Các vấn đề khác:

- Đối với hành vi của bị cáo Trần Phú L dùng tay đánh anh Trần Trung K nhưng không gây thương tích và hành vi của anh Trần Trung K dùng khúc cây ném và dùng thanh sắt đánh bị cáo L nhưng không gây thương tích. Cả hai đều không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với người thanh niên tên N1, là người chở bị cáo L đi đến khu vực ngã tư đường xuống cảng B và người thanh niên tên V là người cho bị cáo mượn xe mô tô nhãn hiệu Vario để sử dụng đi thực hiện hành vi phạm tội. Hiện nay chưa xác định được tên, tuổi và địa chỉ cụ thể của hai người này. Ngoài lời khai của bị cáo, Cơ quan Cảnh sát Điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác, cũng như chưa làm việc được nên tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[9] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí:

[10.1] Bị cáo Trần Phú L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự $7.450.000đ \times 5\% = 372.500$ đồng.

[10.2] Bị cáo Trịnh Quang H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự $7.450.000đ \times 5\% = 372.500$ đồng.

[10.3] Đối với yêu cầu đòi bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm của bị hại ông Trần Văn H, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu mà bị hại đưa ra. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 23 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị hại phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận và muốn được miễn, giảm án phí phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án kèm theo các tài liệu chứng cứ, chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã hướng dẫn, giải thích nhưng bị hại không thực hiện. Do đó, bị hại phải chịu án phí đối với phần

không được Tòa án chấp nhận (20 tháng x 1.490.000đ/tháng) = 29.800.000 đồng x 5% = 1.490.000 đồng.

[10.4] Đối với yêu cầu đòi bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm của bị hại anh Trần N, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu mà bị hại và người đại diện theo ủy quyền của bị hại đưa ra. Do đó, bị hại phải chịu án phí đối với phần không được Tòa án chấp nhận (20 tháng x 1.490.000đ/tháng) = 29.800.000 đồng x 5% = 1.490.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Phú L (tên gọi khác: R) và bị cáo Trịnh Quang H1 (tên gọi khác: Đ) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

- Hình phạt chính:

2.1/ Căn cứ vào các điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Phú L (R) 14 (mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 25/9/2022).

2.2/ Căn cứ vào các điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Quang H1 (Đ) 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 25/9/2022).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 288, Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, Điều 589 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

3.1. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc bồi thường cho bị hại ông Trần Văn H khoản tiền do làm hư hỏng bàn thờ Ông Địa là 2.300.000 đồng và khoản tiền tổn hại sức khỏe là 10.000.000 đồng. Buộc bị cáo Trần Phú L (R) và bị cáo Trịnh Quang H1 (Đ) có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Trần Văn H tổng số tiền 12.300.000 đồng. Theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 6.150.000đ (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

3.2. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc bồi thường cho bị hại anh Trần N khoản tiền tổn hại sức khỏe là 10.000.000 đồng. Buộc bị cáo Trần Phú L (R) và bị cáo Trịnh Quang H1 (Đ) có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Trần N số tiền 10.000.000 đồng. Theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

3.3. Buộc bị cáo Trần Phú L (R) và bị cáo Trịnh Quang H1 (Đ) có nghĩa vụ liên đới bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm cho ông Trần Văn H với số tiền 7.450.000đ đồng. Theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 3.725.000đ (ba triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng).

3.4. Buộc bị cáo Trần Phú L (R) và bị cáo Trịnh Quang H1 (Đ) có nghĩa vụ liên đới bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Trần N với số tiền 7.450.000đ đồng. Theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 3.725.000đ (ba triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền bồi thường nói trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao tự chế dài 93,2cm; cán dao bằng gỗ dài 42,8cm; lưỡi dao bằng kim loại bị bẻ cong dài 50,4cm; một cạnh tù; một cạnh sắc; bề rộng bản lưỡi 3,6cm; mũi dao nhọn.

(Vật chứng thu giữ đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng số 22/BB, ngày 13/01/2023).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; các điểm a, e, f khoản 1 Điều 23; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Trần Phú L (R) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và 372.500đ (ba trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

- Bị cáo Trịnh Quang H1 (Đ) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và 372.500đ (ba trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

- Bị hại ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự đối với phần không được Tòa án chấp nhận là 1.490.000đ (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

- Bị hại anh Trần N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự đối với phần không được Tòa án chấp nhận là 1.490.000đ (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7 a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQCS Điều tra Công an huyện X;
- CQ THA hình sự Công an huyện X;
- UBND xã B, huyện X;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến